

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-ST

Ngày : 05-11-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tím

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Giang Nam và ông Lê Khải

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Vi Thế Nam, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:* Ông Nông Quốc Hùng, chức vụ: Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2019/TLST-DS, ngày 10/6/2019, về việc “*Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-DS, ngày 04/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-DS, ngày 22/10/2019.

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) A; Địa chỉ: 442 N, phường 5, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình H, giám đốc Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Đắk Lắk.

Người được ủy quyền lại: Ông Lã Xuân T – Nhân viên tín dụng Ngân hàng TMCP A – chi nhánh Đắk Lắk, phòng giao dịch K. (theo văn bản ủy quyền ngày 19/3/2019). Có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Vi Thị T; Địa chỉ: Thôn Đắk Xuân, xã Nam Xuân, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2019 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 19/3/2019), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn – ông Lã Xuân T trình bày:

Ngày 21/8/2017 Ngân hàng TMCP A – Phòng giao dịch K, Đắk Lắk ký hợp đồng cấp tín dụng số KRP. CN.490.100817 với bà Vi Thị T, theo hợp đồng cấp tín dụng thì bà Vi Thị T vay số tiền 200.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất tại thời điểm cho vay là 10,5%/năm; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 21/8/2018, theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thì số nợ gốc 200.000.000 đồng mà bà T vay của Ngân hàng phải thanh toán một lần khi đến hạn của hợp đồng tín dụng. Mục đích cho vay là để sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán nông sản. Từ thời điểm vay cho đến khi Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án bà T chưa thanh toán cho Ngân hàng bất cứ khoản tiền gốc và lãi nào. Khi cho vay, bà T có thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 504, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 417549, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 14/7/2017. Tại phiên tòa người được ủy quyền thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Vi Thị T phải thanh toán tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn, không yêu cầu tiền lãi phạt chậm trả.

Tính đến ngày 05/11/2019, bà Vi Thị T nợ của Ngân hàng tổng số tiền 251.486.541 đồng. Trong đó, nợ tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 13.790.113 đồng, lãi quá hạn là 37.696.428 đồng. Bà T còn phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/11/2019 cho đến khi tất toán xong theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp bà T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ thì Ngân hàng đề nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô phát mãi tài sản thế chấp.

Bị đơn bà Vi Thị T trình bày: Bà T thừa nhận vào ngày 21/8/2017 Ngân hàng TMCP A – Phòng giao dịch K, Đắk Lắk ký hợp đồng cấp tín dụng số KRP. CN.490.100817 với bà Vi Thị T theo hợp đồng Ngân hàng cho bà T vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất cho vay là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 21/8/2018. Đại diện Ngân hàng trình bày về nội dung thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số KRP. CN.489.100817, ngày 21/8/2017, ngày 14/8/2017, nội dung thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số KRP. BDCN.150.100817 là đúng sự thật. Trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà T đồng ý thanh toán nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên hiện tại bà T không khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng. Vì vậy bà T đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản mà bà T thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn; bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Vi Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 251.486.541 đồng. Trường hợp bà Vi Thị T không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: KRP. BĐCN.150.100817, ngày 14/8/2017 là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 504, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 417549, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 14/7/2017 cho bà Vi Thị T để thu hồi nợ.

Về án phí: Buộc bà Vi Thị T nộp án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Vi Thị T thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với mục đích vay là để sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán nông sản. căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào Hợp đồng cấp tín dụng số KRP. CN .490.100817 ngày 21/8/2017 đã xác định được Ngân hàng TMCP A - PGD K đã ký kết hợp đồng tín dụng với bà Vi Thị T. Hai bên thỏa thuận số tiền vay là 200.000.000 đồng mục đích vay là để sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán nông sản, thời hạn vay 12 tháng, thời hạn thanh toán nợ là 21/8/2018, lãi suất cho vay là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay. Từ thời điểm vay đến nay bà T chưa thanh toán cho ngân hàng được bất cứ khoản tiền nào.

Tính đến ngày xét xử, ngày 05/11/2019, bà Vi Thị T nợ của Ngân hàng tổng số tiền 251.486.541 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là 13.790.113 đồng; tiền lãi quá hạn là 37.696.428 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP A - PGD K và bên vay là bà Vi Thị T. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Vi Thị T có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Đối với yêu cầu tính lãi suất căn cứ vào hợp đồng cấp tín dụng thì bà T còn nợ Ngân hàng tiền lãi trong hạn là 13.790.113 đồng. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu tính lãi quá hạn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật có liên quan thì bà T còn nợ của Ngân hàng lãi quá hạn là 37.696.428 đồng.

Đối với yêu cầu thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Vi Thị T phải thanh toán tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn, không yêu cầu tiền lãi phạt chậm trả. Xét thấy việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên cần chấp nhận.

[3]. Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số KRP. BĐCN .150.100817, ngày 14/8/2017 được ký giữa Ngân hàng với bà Vi Thị T đã được công chứng, chứng thực hợp pháp và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Krông Nô theo đúng quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm nên việc thế chấp tài sản trên có hiệu lực pháp luật. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 504, tờ bản đồ số 17, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 417549, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 14/7/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Vi Thị T đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất như trên để Ngân hàng thu hồi nợ. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 504, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 417549, hiện nay bà Vi Thị T là người đang quản lý và sử dụng tài sản thế chấp không có biến động trong quá trình sử dụng. Nay yêu cầu của Ngân hàng TMCP A được chấp nhận nên Ngân hàng được quyền đề nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô phát mại tài sản thế chấp của bà T để thu hồi nợ.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận vì vậy bà Vi Thị T phải nộp số tiền 12.574.000 đồng (251.486.541 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bà Vi Thị T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 280; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 323; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A - PGD K, buộc bà Vi Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A - PGD K số tiền nợ tính đến ngày 05/11/2019 là:

Số tiền nợ gốc: 200.000.000 đồng;

Tiền lãi trong hạn: 13.790.113 đồng;

Tiền lãi quá hạn: 37.696.428 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp bà Vi Thị T không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP A - PGD K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số: KRP. BĐCN.150.100817, ngày 14/8/2017 là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 504, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 417549, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 14/7/2017 cho bà Vi Thị T.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 12.574.000 đồng, buộc bà Vi Thị T phải nộp toàn bộ số tiền trên, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Hoàn trả Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí 5.664.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0000854, ngày 07 tháng 6 năm 2019.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.250.000 đồng, xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ nên bà T phải chịu toàn bộ số tiền trên. Bà T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.250.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

LÊ THỊ TÍM